

Bản án số: 401/2024/HS-PT
Ngày: 28-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Ông Trần Văn Đạt

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 79/2024/TLPT- HS ngày 24 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Phan thị Ngọc Dương và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 596/2023/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Các bị cáo kháng cáo:**

1. Phan Thị Ngọc D; giới tính: Nữ; sinh ngày: 10/10/1989, tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở: A N, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan H và bà Đinh Thị V; có chồng và 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Lê Thị Thu T; giới tính: Nữ; sinh ngày: 06/7/1998, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: Căn hộ A, CT1, chung cư S, số F đường số A, khu phố B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê D1 và bà Võ Thị T1; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Đỗ Quốc V1; giới tính: Nam; sinh ngày: 17/9/1983, tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi đăng ký thường trú: 232/8 Quốc lộ A, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Mạnh D2 và bà Nguyễn Thị H1; có vợ và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa:

1. Luật sư Nguyễn Hoài N - Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Phan Thị Ngọc D; có mặt.

2. Luật sư Hồ Hoài N1 - Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thu T; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo khác và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/7/2022, Cơ quan An ninh điều tra - Công an Thành phố H nhận được Phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm của Công an tỉnh N, về việc: Công an tỉnh N vừa triệt phá đường dây đánh bạc bằng hình thức cá độ bóng đá qua mạng Internet, trong vụ án có Nguyễn Ngọc C (tên gọi khác: NGUYEN CHAU NGOC, Võ Hải T2; Quốc tịch: Hoa Kỳ). Nguyễn Ngọc C nhập cảnh vào Việt Nam ngày 30/4/2021 qua Cảng hàng không quốc tế T14 bằng Visa ký hiệu DN1 (diện Chuyên gia), có giá trị đến ngày 29/7/2021. C khai nhận để nhập cảnh vào Việt Nam, C nhờ một người tên S làm các hồ sơ, thủ tục về Việt Nam làm việc tại Công ty TNHH T15, nhưng thực tế C không làm việc với công ty này. Nguyễn Ngọc C đã trả phí cho S 3.500 USD. Sau khi nhập cảnh và hoàn thành cách ly, C về nhà cha, mẹ ở thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi hết thời hạn nhập cảnh, C được Công ty TNHH Đ (viết tắt là Công ty Đ) bảo lãnh gia hạn tạm trú đến ngày 21/01/2022, nhưng thực tế C không làm việc cho công ty này. Ngoài ra, cùng với C nhập cảnh vào Việt Nam theo diện “Chuyên gia” (DN1) làm việc cho Công ty T15 còn có người tên PHAM ANH TUAN (Quốc tịch: Hoa Kỳ).

Căn cứ Thông báo số 118/TB-VPCP ngày 21/3/2020 về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về phòng, chống dịch COVID-19 tạm dừng nhập cảnh đối với tất cả người nước ngoài vào Việt Nam, áp dụng từ 00 giờ ngày 22/3/2020. Nhận thấy vụ việc có dấu hiệu tội phạm nên Công an tỉnh N tiến hành điều tra, xác minh. Qua xác minh nguồn tin tội phạm, nhận thấy việc tổ chức cho NGUYEN CHAU NGOC và PHAM ANH TUAN nhập cảnh trái phép vào Việt Nam xảy ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

nên Công an tỉnh N đã chuyển nguồn tin tội phạm đến Công an Thành phố H thụ lý, giải quyết.

Kết quả điều tra xác định: Khoảng tháng 3 - 4/2021, khi làm nghề bán vé máy bay và làm thủ tục xin Visa tại Hoa Kỳ, Đặng Viết Kim S1 được 11 người nước ngoài mang quốc tịch Hoa Kỳ, gồm: ông NGUYEN C2 (tên gọi khác: Nguyễn Ngọc C; Võ Hải T2); ông PHAM ANH TUAN; bà TRAN NHO CHUTHI; bà TRAN CINDY; ông NGUYEN LONG MARK; bà NGUYEN THUY TRANG VU; ông TRAN DAVID VAN; ông TO VIET HUY; ông DANG STEVE HUU; ông PHAM HIEN THANH và bà NGUYEN THI THUY TRINH (quốc tịch: Na-uy) lần lượt tự liên hệ hoặc được người khác giới thiệu nhờ S1 tìm giúp dịch vụ làm thủ tục xin Visa nhập cảnh vào Việt Nam để giải quyết việc cá nhân. Những người này phải nhờ S1 vì thời điểm này Việt Nam không giải quyết cho nhập cảnh theo diện “miễn Visa” để du lịch hoặc thăm thân nhân tại Việt Nam. Nếu S1 xin được V2, họ sẽ mua vé máy bay ở phòng vé của S1, S1 sẽ hưởng lợi khoảng 100 USD/vé.

Sau đó, Đặng Viết Kim S1 tìm hiểu, liên hệ với Phan Thị Ngọc D tự xưng là nhân viên của Công ty TNHH H2 nhận làm dịch vụ xin Visa cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam. Khi S1 trao đổi có khách muốn nhập cảnh vào Việt Nam giải quyết việc cá nhân thì D lên mạng Internet tìm kiếm và liên hệ được với nhiều người có làm dịch vụ khác nhau như: Lê Thị Thu T, Ngô Trần Quỳnh C1 làm nghề bán vé máy bay và môi giới dịch vụ xin Visa, cùng một người khác (không nhớ được thông tin liên lạc của người này) và đều được những người này tư vấn có thể làm hồ sơ xin Visa nhập cảnh vào Việt Nam cho số người nước ngoài nói trên theo diện DN1 (chuyên gia, nhà quản lý doanh nghiệp, lao động kỹ thuật cao) nhưng phải có công ty tại Việt Nam bảo lãnh. Chi phí làm thủ tục xin Visa từ 440 - 450 USD/người, bao gồm chi phí xin Công văn của Ủy ban nhân dân Thành phố H về hỗ trợ cho người nước ngoài là chuyên gia, nhà quản lý doanh nghiệp, lao động kỹ thuật cao nhập cảnh vào Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Công văn đồng ý cho nhập cảnh của Ủy ban nhân dân Thành phố H) và Công văn của Cục Q1 - Bộ C3 về việc đồng ý cho nhận Visa tại cửa khẩu (viết tắt là Công văn đồng ý của Cục Q1).

Sau khi liên hệ và thống nhất chi phí với các bên dịch vụ, Phan Thị Ngọc D thông báo lại cho Đặng Viết Kim S1 biết có thể làm hồ sơ xin Visa cho những người khách của S1 nhập cảnh vào Việt Nam theo diện DN1, nhưng S1 phải tìm được công ty ở Việt Nam ký hồ sơ bảo lãnh cho những người khách nói trên nhập cảnh vào Việt Nam làm việc cho công ty H3, đồng thời S1 phải cung cấp ảnh chụp hộ chiếu của những người này; D sẽ thực hiện các thủ tục còn lại, chi phí làm thủ tục xin Visa là 520 USD/người, nếu khách yêu cầu đặt luôn các dịch vụ cách ly y tế sau khi nhập cảnh như: đưa đón, phòng khách sạn C4, chi phí test Covid 19 trong thời gian cách ly,... sẽ thêm chi phí khoảng 2.220 USD/người.

Sau khi khách đồng ý, S1 báo cho D biết và liên hệ nhờ người quen là Nguyễn Khả T3, Giám đốc Công ty TNHH K1 (viết tắt là Công ty K1) và Đỗ

Quốc V1, sở hữu Công ty Cổ phần T16 (viết tắt là Công ty T16) (do ông Ngô Hữu M làm Giám đốc, V1 là người điều hành công ty V3) để nhờ ký xác nhận hồ sơ bảo lãnh cho khách của S1 nhập cảnh vào Việt Nam theo diện DN1, S1 sẽ trả chi phí dịch vụ thì T3 và V1 đồng ý. Theo đó, Nguyễn Khả T3 ký hồ sơ bảo lãnh cho 02 người là TRAN DAVID VAN và NGUYEN THI THUY TRINH (hồ sơ ghi ngày 05/4/2021) với danh nghĩa DN1 nhập cảnh vào Việt Nam làm việc cho Công ty K1; Đỗ Quốc V1 tự ý giả chữ ký của ông M và lấy dấu của Công ty T16 đóng xác nhận lên hồ sơ bảo lãnh của 02 người là TRAN NHO CHUTHI và TRAN CINDY (hồ sơ ghi ngày 08/4/2021) cũng với danh nghĩa DN1 nhập cảnh vào Việt Nam làm việc cho Công ty T16. Ngoài ra, S1 còn nhờ V1 tìm công ty ký giúp hồ sơ bảo lãnh cho 04 người nước ngoài khác nên V1 liên hệ với Lương Công B, Giám đốc Công ty T15, V1 nói sẽ giới thiệu người nước ngoài vào đầu tư, hợp tác với Công ty T15 để thuyết phục B ký khống hồ sơ bảo lãnh cho 02 người NGUYEN CHAU NGOC, PHAM ANH TUAN (hồ sơ ghi ngày 05/4/2021) với danh nghĩa DN1 nhập cảnh vào Việt Nam làm việc cho Công ty T15. Đồng thời, V1 nói với em họ là Đặng Thanh S2 (hiện đã xuất cảnh) là Giám đốc Công ty TNHH Đ1 (viết tắt là Công ty Đ1) giới thiệu Đặng Viết Kim S1 hợp tác kinh doanh để nhờ Đặng Thanh S2 ký giúp hồ sơ bảo lãnh cho 02 người là NGUYEN LONG MARK, NGUYEN THUY TRANG VU. Đối với 03 trường hợp TO VIET HUY, DANG STEVE HUU, PHAM HIEN THANH (có 03 thân nhân đi kèm, được giải quyết theo diện đi cùng DN1) do ông Nguyễn Minh Q, Giám đốc Công ty TNHH D3 (viết tắt là Công ty D3) tự ký hồ sơ bảo lãnh (ghi ngày 05/4/2021), do đây là khách của ông Q nhờ S2 tìm giúp dịch vụ làm thủ tục xin Visa nhập cảnh, qua xác minh ông Q đã chết vào ngày 14/9/2021 nên không làm rõ được nội dung liên quan.

Sau khi tìm được các công ty bảo lãnh cho khách, Đặng Viết Kim S1 yêu cầu Đỗ Quốc V1, Nguyễn Khả T3 và ông Nguyễn Minh Q cung cấp ảnh chụp Giấy phép đăng ký kinh doanh của công ty; S1 yêu cầu khách hàng gửi ảnh hộ chiếu cho S1 để gửi cho D. Sau đó, D gửi các tài liệu này cho các bên dịch vụ để soạn thảo thủ tục, cụ thể:

- Đối với 04 trường hợp: NGUYEN CHAU NGOC, PHAM ANH TUAN, TRAN DAVID VAN, NGUYEN THI THUY TRINH thì Phan Thị Ngọc D liên hệ Ngô Trần Quỳnh C1 tư vấn và làm thủ tục xin Visa nhập cảnh theo diện DN1 với giá 450 USD/người. Sau đó, C1 liên hệ, thuê lại bên dịch vụ khác là Lê Thị Thu T làm thủ tục xin Công văn đồng ý cho nhập cảnh của Ủy ban nhân dân Thành phố H với giá 420 USD/người. T là người chịu trách nhiệm soạn thảo các văn bản gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H, C1 sẽ soạn thảo các văn bản gửi Cục Q1 về việc xin nhận Visa tại cửa khẩu.

- Đối với 04 trường hợp: NGUYEN LONG MARK, NGUYEN THUY TRANG VU, TRAN NHO CHUTHI, TRAN CINDY thì Phan Thị Ngọc D giao cho Lê Thị Thu T trực tiếp tư vấn và làm thủ tục xin Visa nhập cảnh theo diện

DN1 với giá 440 USD/người. T là người chịu trách nhiệm soạn thảo các văn bản gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H và Cục Q1.

- Riêng đối với 03 trường hợp: TO VIET HUY, DANG STEVE HUU, PHAM HIEN THANH thì Phan Thị Ngọc D thuê 01 bên dịch vụ khác qua mạng Internet (không rõ thông tin) tư vấn và làm thủ tục xin Visa nhập cảnh theo diện DN1, với giá 440 USD/người. Tất cả mọi thủ tục cũng do phía dịch vụ soạn thảo, bổ sung.

Về quá trình hoàn thành thủ tục nhập cảnh cho khách của S1: sau khi nhận được ảnh chụp hộ chiếu và Giấy phép đăng ký kinh doanh của các công ty bảo lãnh, Lê Thị Thu T và Ngô Trần Quỳnh C1 gửi file bộ thủ tục xin Visa nhập cảnh, gồm: các văn bản gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H để xin Công văn chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố H cho nhập cảnh, Công văn gửi Cục Q1 để xin nhận Visa tại Cảng hàng không quốc tế T, danh sách trích ngang của những người nhập cảnh,... qua ứng dụng Zalo cho D rồi D gửi cho S1 qua ứng dụng mạng xã hội; S1 tiếp tục gửi tiếp qua cho T3 và V1 in ra, ký tên, đóng dấu xác nhận. Sau đó, T3 và V1 sử dụng dịch vụ G1 gửi các tài liệu nói trên kèm bản sao Giấy phép đăng ký kinh doanh của các công ty bảo lãnh qua địa chỉ A B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cho D, địa chỉ này do D cung cấp cho S1 và S1 cung cấp cho T3 và V1. Sau khi nhận được hồ sơ, D thông báo cho các bên dịch vụ đến nhận hồ sơ để mang đi nộp tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H và Cục Q1. Khoảng hơn 01 tuần sau bên dịch vụ thông báo đã xin được Visa nhập cảnh cho khách, đồng thời gửi file dạng PDF các tài liệu gồm: Công văn đồng ý cho nhập cảnh của Ủy ban nhân dân Thành phố H và Công văn đồng ý của Cục Q1 cho D, rồi D tiếp tục gửi các tài liệu này cho S1, kèm theo giấy xác nhận đặt xe, khách sạn để cách ly y tế,... sau đó, S1 gửi cho khách để làm thủ tục nhập cảnh.

Cùng với việc nhận khách của Đặng Viết Kim S1, cũng khoảng tháng 3 - 4/2021, Phan Thị Ngọc D còn nhận làm hồ sơ xin Visa nhập cảnh (không bao gồm dịch vụ cách ly y tế sau khi nhập cảnh) vào Việt Nam cho khoảng 10 người nước ngoài khác do những người này tự liên hệ với D qua ứng dụng Zalo, trong đó:

- 06 người Dương nhờ S1 tìm công ty bảo lãnh, S1 nhờ Nguyễn Khả Tam đại d Công ty K1 ký hồ sơ gồm: PHAN TOMMY HIEN (sinh ngày 31/12/1970; Quốc tịch: Hoa Kỳ); NGUYEN JOHNNY (sinh ngày 30/12/1973; Quốc tịch: Hoa Kỳ); AUNG THU OO (sinh ngày 15/7/1981; Quốc tịch: Myanmar); SHIN YONGTEA (sinh ngày 08/11/1892; Quốc tịch: Hàn Quốc); BHATIA SAVITA (sinh ngày 18/10/1965; Quốc tịch: Ấn Độ); BHATIA HARSHIT (sinh ngày 18/8/1991; Quốc tịch: Ấn Độ). Khi D nhờ S1 tìm công ty bảo lãnh thì lúc này, S1 đang nhờ Nguyễn Khả T3 ký hồ sơ cho 02 trường hợp TRAN DAVID VAN và NGUYEN THI THUY TRINH (là khách của S1), nên S1 yêu cầu D làm luôn hồ sơ để Công ty K1 của Tam ký bảo lãnh cho các trường hợp này; do đó, D đã gửi thông tin để phía dịch vụ làm thủ tục bảo lãnh cho 06 trường hợp trên vào làm

việc cho Công ty K1. S1 không trao đổi lại việc này cho Tam biết nhưng khi T3 nhận được file văn bản thì thấy có hồ sơ bảo lãnh cho 08 người, không phải 02 người như ban đầu S1. Tuy nhiên, T3 vẫn đồng ý ký tên, đóng dấu xác nhận mà không hỏi lại S1.

- 03 người do một công ty ở P, tỉnh Kiên Giang thuê D làm thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam (không nhớ cụ thể) gồm: VU VAN PETER DUC (sinh ngày 21/3/1982; Quốc tịch: Vương quốc Anh và Bắc Ai L); EL MOUTIA THI THU THUY (sinh ngày 20/9/1972; Quốc tịch: Vương quốc Anh và Bắc Ai L); NGUYEN HOAI VAN (sinh ngày 25/5/1970; Quốc tịch: Vương quốc A và Bắc Ai L), D lấy chi phí dịch vụ là 520 USD/người thì phía công ty đồng ý;

- 01 người tên PSHYK MYKOLA (sinh ngày 03/10/1958; Quốc tịch: Ukraina) là đối tác của anh rể D là Hồ Thanh S3. Người này muốn nhập cảnh vào Việt Nam nên S3 nhờ D làm hồ sơ, thủ tục, công ty bảo lãnh là Công ty TNHH H4 do S3 làm giám đốc và S3 sẽ ký hồ sơ bảo lãnh. Lúc này, 03 người do công ty ở P thuê D làm thủ tục nhưng chưa có công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh bảo lãnh, D nói với S3 có 03 người nước ngoài khác muốn nhập cảnh vào Việt Nam, nhưng nếu các công ty ở địa phương khác làm thủ tục bảo lãnh cho người nước ngoài nhập cảnh theo diện DN1 thì mất rất nhiều thời gian vì phải thông qua trung gian là Thành phố Hồ Chí Minh, nên S3 đồng ý ký hồ sơ bảo lãnh cho 03 người này;

Sau khi phía dịch vụ gửi file tài liệu về thủ tục bảo lãnh, D gửi cho S3 (do dịch Covid nên S3 dừng hoạt động công ty và về tỉnh Phú Yên sinh sống) in ra, ký tên rồi chuyển vào địa chỉ công ty tại A B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh để nhân viên của công ty là Nguyễn Thị Minh T4 (sinh ngày 15/02/1994; thường trú: Tổ dân phố C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk) đóng dấu rồi có người đến lấy hồ sơ. Sau đó, do hồ sơ bị lỗi, cần chỉnh sửa, ký tên, đóng dấu xác nhận lại nhưng vì cần nộp tài liệu gấp mà điều kiện đi lại khó khăn vì dịch bệnh Covid-19 nên S3 đã gửi file thủ tục bảo lãnh (đã được chỉnh sửa) qua cho T4 để in ra và yêu cầu T4 ký giả chữ ký của S3 lên các tài liệu này rồi đóng dấu xác nhận để đưa cho bên dịch vụ làm Visa.

Đối với hồ sơ của 10 người nước ngoài, Phan Thị Ngọc D thuê Lê Thị Thu T làm thủ tục xin Visa cho 04 người gồm: PHAN TOMMY HIEN, NGUYEN JOHNNY, AUNG THU OO, SHIN YONGTEA, giá 440 USD/người; còn 06 người gồm: BHATIA SA VITA, BHATIA HARSHIT, PSHYK MYKOLA, VU VAN PETER DUC, EL MOUTIA THI THU THUY, N2 cũng thuê một bên dịch vụ khác với giá 440 USD/người. Tuy nhiên, do D không nhớ và đã xóa hết thông tin liên lạc nên không có cơ sở xác minh làm rõ. Về quy trình, thủ tục làm hồ sơ cũng tương tự như các trường hợp nói trên.

Quá trình làm thủ tục xin Visa cho tất cả những người nước ngoài nói trên, các bị can không được khách hàng (người nhập cảnh) hay người thuê làm dịch vụ cung cấp bất kỳ bằng cấp, giấy tờ, tài liệu xác nhận trình độ, tay nghề của họ theo quy định đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H thông báo

trên cổng thông tin trực tuyến. Do đó, đối với 12 trường hợp do Lê Thị Thu T làm thủ tục nói trên, để có thể xin được Visa cho khách, T đã tìm kiếm thông tin trong các hội nhóm làm dịch vụ xin Visa trên mạng xã hội facebook và liên hệ thuê được một đối tượng tên T5 hoặc D2, (không nhớ lai lịch) làm giả các giấy xác nhận tay nghề cho số người nước ngoài nói trên với giá khoảng 1.200.000 đồng/01 hồ sơ. T dùng tài liệu này bổ sung vào hồ sơ xin Visa rồi nộp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H để xin Công văn đồng ý cho nhập cảnh của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Còn các trường hợp khác, D không biết bên dịch vụ làm giấy xác nhận lao động tay nghề cao bằng cách nào. Kết quả, tất cả 21 người nước ngoài nói trên đều được Ủy ban nhân dân Thành phố H đồng ý cho phép nhập cảnh vào Việt Nam theo diện DN1, trong đó có 02/21 người không thực hiện nhập cảnh vào Việt Nam. Số còn lại sau khi nhập cảnh vào Việt Nam đều không đến làm việc cho các công ty bảo lãnh mà chỉ giải quyết công việc cá nhân rồi xuất cảnh về nước. Cá biệt có trường hợp NGUYEN CHAU NGOC sau khi nhập cảnh, hoàn thành cách ly y tế đã về tỉnh Ninh Thuận để thăm gia đình, sau đó đã có hành vi “Đánh bạc” và bị Công an tỉnh N khởi tố, điều tra.

Về lợi ích mà các bị can hưởng được khi làm thủ tục xin Visa cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam theo diện DN1:

Theo thỏa thuận giữa Đặng Việt Kim S1, Phan Thị Ngọc D, Ngô Trần Quỳnh C1, Lê Thị Thu T và bên dịch vụ còn lại thì chỉ sau khi xin được V2 (Công văn cho phép nhập cảnh của Ủy ban nhân dân Thành phố H và Công văn đồng ý của Cục Q1) thì các bên mới thu tiền phí dịch vụ, cụ thể:

- Đối với Đặng Việt Kim S1, Đỗ Quốc V1, Nguyễn Khả T3: Sau khi xin được V2, S1 sẽ thông báo cho khách hàng biết và thu tiền mặt trực tiếp của khách để đặt vé máy bay và thanh toán các khoản tiền phát sinh. Trong đó, tiền dịch vụ làm Visa là 520 USD/người hoặc 2.220 USD/người (nếu bao gồm dịch vụ cách ly y tế); tiền vé máy bay khoảng từ 1.400 - 1.700 USD/vé (tùy từng thời điểm); tiền trả công ký hồ sơ bảo lãnh cho V1, T3 (khoảng 150 USD/người). Sau đó, S1 dùng tài khoản số 0371003877215, mở tại V4, mang tên DANG VIET KIM SON chuyển vào tài khoản của V1 số 1566837, mở tại Ngân hàng Á (A1), mang tên DO QUOC VIET số tiền 15.000.000 đồng; chuyển vào khoản của Tam số 19034430812011, mở tại T17, mang tên NGUYEN KHA TAM số tiền 10.000.000 đồng; chuyển trả tiền dịch vụ xin Visa cho Phan Thị Ngọc D qua tài khoản số 0921000715442, mở tại T17, mang tên PHAN THI THU THO, là tài khoản mà Công ty H2 dùng để giao dịch với đối tác khi còn hoạt động, trong đó: có 07 khách bao luôn chi phí cách ly y tế là $2.220 \text{ USD} \times 7 = 15.540 \text{ USD}$, tương đương 359.906.400 đồng (theo tỉ giá quy đổi mà các bị can thỏa thuận với nhau là 01 USD = 23.160 đồng) và 04 khách chỉ làm thủ tục xin Visa là $520 \text{ USD} \times 4 = 2.080 \text{ USD}$, tương đương 48.172.800 đồng. Riêng S1 chỉ hưởng lợi được khoảng 100 USD/người khi bán được vé máy bay cho 14 người (trong đó có 11 người diện DN1 và 03 người thân đi kèm), tổng cộng là 1.400 USD, tương đương 32.424.000 đồng;

- Đối với Phan Thị Ngọc D: Ngoài số tiền nhận được từ Đặng Viết Kim S1 (khoảng 408.079.200 đồng), D còn nhận được tổng cộng khoảng 5.120 USD, tương đương 118.579.200 đồng từ việc xin Visa cho 10 người khác mà D nhận làm đã nêu trên với giá 520 USD/người, riêng trường hợp của ông PSHYK MYKOLA thì D thu 440 USD đúng với số tiền bên dịch vụ yêu cầu do đây là đối tác của S3. Số tiền nói trên, D đã trả tiền mặt trực tiếp cho Ngô Trần Quỳnh C1 1.800 USD (450 USD/người), tương đương 41.688.000 đồng là tiền dịch vụ xin Visa cho 04 người; trả tiền mặt trực tiếp cho Lê Thị Thu T 3.520 USD (440USD/người), tương đương 81.523.200 đồng là tiền dịch vụ xin Visa cho 08 người; trả tiền mặt trực tiếp cho những người khác (không rõ lai lịch) 3.960 USD (440 USD/người), tương đương 91.713.600 đồng là tiền dịch vụ xin Visa của 09 người. Ngoài ra, đối với 07 trường hợp D nhận làm thủ tục xin Visa và thủ tục cách ly thì D phải trả thêm cho khách sạn, công ty vận tải các khoản chi phí đặt xe, phòng khách sạn, test C số tiền khoảng 200.000.000 đồng. D chi thêm một số tiền để thanh toán tiền dịch vụ G1, chuyển phát nhanh để chuyển tài liệu khi làm thủ tục xin Visa, số tiền mà D hưởng lợi được từ việc làm thủ tục xin Visa cho 21 người nước ngoài nói trên là khoảng 112.000.000 đồng;

- Đối với Ngô Trần Quỳnh C1: Sau khi nhận được số tiền 41.688.000 đồng từ Phan Thị Ngọc D, C1 đã trả tiền mặt trực tiếp cho Lê Thị Thu T tiền dịch vụ xin Visa của 04 người là 1.680 USD (420 USD/người), tương đương 38.908.800 đồng và trả tiền đặt xe dịch vụ Grab khoảng 200.000 đồng, số tiền còn lại C1 được hưởng lợi khoảng 2.579.200 đồng.

- Đối với Lê Thị Thu T: Nhận từ Phan Thị Ngọc D và Ngô Trần Quỳnh C1 được tổng cộng số tiền khoảng 120.432.000 đồng. T đã trả tiền mặt trực tiếp cho người đàn ông tên T5 (hoặc D2) số tiền khoảng 14.400.000 đồng tiền làm giả giấy xác nhận tay nghề cho 12 người nước ngoài nhập cảnh nói trên (1.200.000 đồng/01 tài liệu); trả tiền cho một người (không rõ lai lịch) xếp hàng nộp hồ sơ giúp ở Cục Q1 khoảng 8.000.000 đồng/08 hồ sơ, trừ 04 trường hợp mà Ngô Trần Quỳnh C1 thuê làm thì T nộp trực tiếp, số tiền còn lại T được hưởng lợi là 98.032.000 đồng.

Kết quả ghi lời khai người làm chứng, người có liên quan:

- Nguyễn Ngọc C (NGUYEN CHAU NGOC) khai: Vào khoảng tháng 02/2021, C có nhu cầu về Việt Nam chơi và tránh dịch Covid-19 nên đã nhờ S1 tìm cách để đưa C về Việt Nam. Khoảng 01 tháng sau, S1 báo giá làm thủ tục xin Visa cho C là 3.500 USD, C đồng ý. Sau đó, S1 gửi cho C thủ tục rồi dẫn C đến sân bay ở Việt Nam sẽ có người ra đón để làm việc cho Công ty T15, nhưng C không biết công ty làm gì, ở đâu. C đã thanh toán tiền mặt cho S1. Ngày 30/4/2021, C cùng với một người đàn ông bay về tới Việt Nam. Khi đến sân bay T có xe của khách sạn đón về khách sạn C4. Sau khi hoàn thành cách ly, C viết cam kết sẽ về cách ly tại nhà cha mẹ ở xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận rồi đưa giấy tờ để về địa phương. Sau khi hết thời hạn nhập cảnh, C lên trên mạng tìm kiếm dịch vụ làm gia hạn ở lại Việt Nam, C đã gọi điện thoại cho bên dịch vụ và

được họ đồng ý làm với giá 13.000.000 đồng. C gửi Hộ chiếu và 13.000.000 đồng qua nhà xe T18 đến Thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ địa điểm đến đâu). Khoảng 10 ngày sau thì bên dịch vụ gửi trả lại hộ chiếu cho C có đóng dấu gia hạn ở lại Việt Nam, C cũng không biết được gia hạn theo diện gì. Xác minh tại Cục Q1, C đã xuất cảnh sang Hoa Kỳ mặc dù đang bị các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh.

- Ngô Hữu M và Thái Hoàng Minh T6 trình bày: Mới được Thái Hoàng Minh T6 và Đỗ Quốc V1 nhờ đứng tên thành lập Công ty T16. Sau khi thành lập, M, T6 không tham gia hoạt động của công ty, không giữ giấy tờ, con dấu của công ty và cũng không biết việc Công ty T16 ký hồ sơ bảo lãnh cho 02 người nước ngoài nhập cảnh về Việt Nam. Mới xác nhận chữ ký trên công văn gửi Cục Q1 xem xét nhập cảnh cho 02 người nước ngoài không phải do M ký và không biết những tài liệu này. Kết quả giám định không phải là chữ ký của M.

- Đặng Văn T7 và Đặng Tuấn K (là con ruột của T7) trình bày: Đặng Thanh S2 là con ruột ông T7. Khoảng năm 2020, S2 thành lập Công ty TNHH Đ1 địa chỉ tại nhà số D T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. T7 và K không biết S2 thành lập công ty hoạt động về lĩnh vực gì. Khoảng tháng 11/2021, S2 xuất cảnh, định cư tại Hoa Kỳ. S2 nhờ K đứng tên làm Giám đốc Công ty Đ1 để làm thủ tục giải thể công ty nhưng chưa giải thể được do chưa thực hiện xong nghĩa vụ thuế. Lúc làm thủ tục giải thể, K không thấy có con dấu của công ty nên S2 có nhờ K làm luôn thủ tục xin cấp lại con dấu mộc của công ty, con dấu K đang quản lý là con dấu mới của công ty. Đồng thời, T7 khai Đỗ Quốc V1 là cháu rể của T7.

- Phan Thị Thu T8 là vợ bị cáo Hồ Thanh S3 và là chị ruột bị cáo Phan Thị Ngọc D trình bày: Từ năm 2014 cho đến thời điểm dịch Covid-19, T8 giúp Hồ Thanh S3 quản lý Công ty TNHH H5, làm dịch vụ tư vấn Visa cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam, Công ty có nhân viên là Phan Thị Ngọc D. Năm 2018, do tình hình kinh doanh khó khăn nên vợ chồng T8 chuyển về Phú Yên sinh sống. Vợ, chồng T8 muốn giải thể công ty nhưng do D chưa có việc làm ổn định, nên D nhờ giữ lại công ty để D mượn danh nghĩa công ty nhận khách tự làm, vợ chồng T8 đồng ý. T8 không biết việc D làm thủ tục nhập cảnh cho khách của Đặng Việt Kim S1, không biết khách nhập cảnh theo diện gì, bao nhiêu trường hợp, D chỉ báo cho T8 số tiền mà S1 sẽ chuyển qua tài khoản T17 số 0921000715442 của T8 để nhận. Đồng thời, D sẽ báo lại cho T8 số tài khoản của các đối tác như khách sạn, xe khách, công ty làm thủ tục xin cấp Visa và số tiền phải trả để T8 chuyển khoản cho họ. T8 không biết số tiền D được hưởng lợi là bao nhiêu, sau khi nhận, chuyển tiền xong, còn lại bao nhiêu tiền thì T8 chuyển khoản lại cho D hoặc đưa trực tiếp tiền mặt.

- Nguyễn Thị Minh T4 trình bày: T4 làm nhân viên văn thư, tiếp nhận hồ sơ, tài liệu cho Công ty H2 do anh Hồ Thanh S3 làm Giám đốc từ năm 2019 đến khoảng tháng 01/2023. T4 không biết Công ty có làm thủ tục bảo lãnh cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam theo diện DN1 để làm việc hay không, nhưng

T4 không thấy có người nước ngoài nào đến làm việc. Khoảng tháng 4 - 5/2021, S3 nhờ T4 đóng dấu lên các tài liệu của công ty đã có sẵn chữ ký của S3. Sau đó, S3 báo lại cho biết các tài liệu bị sai, phải ký lại nhưng do S3 đang ở tỉnh Phú Yên, đi lại khó khăn do dịch bệnh Covid-19, tài liệu cần gấp nên S3 gửi lại file các tài liệu cho T4, nhờ T4 ký giả chữ ký của S3 và đóng dấu của công ty lên các tài liệu này. Vài ngày sau, có một người không rõ lai lịch đến công ty lấy các tài liệu này. T4 ký tên, đóng dấu lên các tài liệu trên theo yêu cầu của Hồ Thanh S3, T4 không biết gì về nội dung tài liệu đó.

- Phạm Vũ Quốc T9 trình bày: T9 không thành lập hay được ai thuê đứng tên thành lập công ty nào, cũng như không đứng tên thành lập Công ty TNHH Đ (công ty B1 cho Nguyễn Ngọc C). T9 làm nghề phụ lái xe nên không biết, không liên quan đến các thủ tục bảo lãnh gia hạn tạm trú, hoạt động xuất nhập cảnh cho người nước ngoài ở lại Việt Nam.

- Trần Thế A trình bày: Khoảng năm 2018, Thế A và Trần Hoàng T10, Nguyễn Ngô Xuân T11 góp vốn thành lập Công ty Cổ phần T19, do Thế A làm Giám đốc và T10 làm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Khoảng tháng 5/2020, do tình hình kinh doanh không ổn định, Thế A, T10, T11 quyết định giải thể công ty. Thế A thuê một công ty dịch vụ (không nhớ là công ty nào do thời gian đã lâu) để làm hồ sơ giải thể công ty. Tuy nhiên, công ty D4 có trao đổi do công ty đã có thâm niên thành lập được 02 năm nên Giấy phép đăng ký kinh doanh có giá trị, sẽ có người muốn mua lại, công ty này sẽ tìm người mua lại công ty cho Thế A, do thấy không ảnh hưởng gì nên Thế A đã đồng ý. Sau đó, bên công ty D4 đã tìm được người mua lại Giấy phép đăng ký kinh doanh của công ty với giá 3.000.000 đồng, còn thủ tục mua bán, chuyển đổi do công ty D4 thực hiện. Sau đó, phía công ty dịch vụ có gửi lại Thế A thủ tục chuyển đổi chủ sở hữu công ty cho một người (không nhớ tên). Bên dịch vụ chỉ nói Thế A ký tên lên 01 tờ giấy trắng, rồi chụp gửi qua để S4 lên phần chữ ký của Thế A trên bộ thủ tục nhằm hoàn thiện việc chuyển nhượng công ty. Sau đó, công ty hoạt động như thế nào, Thế A không biết và không quen biết Phạm Vũ Quốc T9.

- Lê Thành T12 và Nguyễn Hoàng Ánh L trình bày: T12 và L có quen biết với nhau do cùng làm dịch vụ nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H. Khoảng tháng 5/2020, L có được một người (không nhớ là ai) thuê làm dịch vụ chuyển đổi chủ sở hữu, tên công ty, ngành nghề kinh doanh,... của Công ty Cổ phần T19 thành Công ty TNHH Đ với giá 400.000 đồng. Sau đó, L đã nhờ T12 soạn thảo và nộp hồ sơ đăng ký của Công ty TNHH Đ lên Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H với tiền công khoảng từ 200.000 đồng - 250.000 đồng (không nhớ cụ thể). L và T12 sử dụng dịch vụ G và G1 để trao đổi tài liệu đến khi hoàn thành việc chuyển đổi doanh nghiệp, do người có tên Phạm Vũ Quốc T9 làm giám đốc Công ty TNHH Đ rồi nhận tiền công qua dịch vụ thu tiền hộ. T12 và L chưa gặp mặt, quen biết những người đã thuê L làm thủ tục như nói trên và nội dung trao đổi với người này L cũng đã xóa do thời gian đã lâu.

Kết quả giám định (thể hiện tại các bản Kết luận giám định số 1711/KL-KTHS ngày 03/4/2023; số 4179/KL-KTHS ngày 11/5/2023; 3335/KL-KTHS ngày 01/6/2023 của Phòng K2 (PC09), Công an Thành phố H; kết quả xác minh các tài liệu, người liên quan trong vụ án xác định:

- Hình dấu mộc tròn của các Công ty T16, Công ty T15, Công ty K1, Công ty H2 trên các tài liệu bảo lãnh nhập cảnh so sánh với hình dấu mộc tròn của các công ty đang sử dụng là cùng một con dấu đóng ra;

- Chữ ký, chữ viết mang tên ông Ngô Hữu M trên tài liệu bảo lãnh của Công ty T16 không phải do ông Ngô Hữu M ký, viết ra mà do bị can Đỗ Quốc V1 ký, viết ra;

- Chữ ký mang tên Nguyễn Khả T3 trên tài liệu bảo lãnh của Công ty K1 do bị can Nguyễn Khả T3 ký ra;

- Chữ ký mang tên Hồ Thanh S3 trên các tài liệu bảo lãnh của Công ty H2 không phải do bị can Hồ Thanh S3 ký ra mà do Nguyễn Thị Minh T4 ký ra;

- Không đủ cơ sở xác định chữ ký của Đặng Thanh S2 trên tài liệu thành lập Công ty Đ1 so sánh với chữ ký của Đặng Thanh S2 trên tài liệu bảo lãnh nhập cảnh có phải cùng một người ký ra hay không;

- Không có cơ sở xác định chữ ký của Lương Công B trên các tài liệu bảo lãnh của Công ty T15 có phải do B ký ra hay không;

- Không có cơ sở xác định chữ ký của Phạm Vũ Quốc T9 trên các tài liệu bảo lãnh của Công ty Đ có phải do T9 ký ra hay không.

- Kết quả xác minh thông tin xuất nhập cảnh tại Cục Q1 - Bộ C3 xác định: Đặng Thanh S2 đã xuất cảnh đi Hoa Kỳ vào ngày 22/11/2021 và chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

- Kết quả xác minh tại Sở Ngoại vụ Thành phố H xác định: Đ2 tại Hàn Quốc không thực hiện hợp pháp hóa lãnh sự đối với Giấy chứng nhận việc làm của NGUYEN CHAU NGOC, PHAM ANH TUAN tại Hàn Quốc của 02 Công ty S5., L1 và Công ty Cổ phần Y, đồng thời không có thông tin đối với 02 công ty này. Đối với các trường hợp hợp pháp hóa lãnh sự được Đại sứ quán cấp từ năm 2019 trở về trước đây đã hủy theo quy định nên không có cơ sở trả lời. Tổng Lãnh sự quán H6 xác định không lưu giữ thông tin của dịch vụ công chứng làm tại H6 và thông tin công ty thành lập tại Hoa Kỳ.

Kết quả xác minh các tài khoản ngân hàng; kiểm tra, thu giữ dữ liệu điện tử; kết quả nhận dạng, đối chất, xác minh người đại diện hợp pháp của các công ty ký hồ sơ bảo lãnh phù hợp với lời khai của các bị can và các đối tượng liên quan trong vụ án.

Đối với Phan Thị Thu T8: Là quản lý của Công ty TNHH H2 nhưng thời điểm bị can Phan Thị Ngọc D và Hồ Thanh S3 thực hiện hành vi “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” công ty đã dừng hoạt động. D có mượn tài khoản

của công ty do T8 đứng tên để nhận, chuyển tiền liên quan đến hành vi phạm tội, T8 không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của D, S3. Do đó, không có căn cứ xử lý hình sự đối với T8.

Đối với Nguyễn Thị Minh T4: Có hành vi giả chữ ký của Hồ Thanh S3 để ký lên các tài liệu bảo lãnh cho 04 người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam theo diện DN1. Tuy nhiên, kết quả điều tra xác định T4 chỉ làm công tác văn thư, lưu trữ, tại công ty. Khi S3 yêu cầu ký thay cho S3 thì T4 thực hiện, không biết nội dung các tài liệu. Vì vậy, không có căn cứ xử lý hình sự đối với T4.

Đối với Ngô Hữu M: Mới được Đỗ Quốc V1 nhờ đứng tên Giám đốc công ty T16, M không tham gia làm việc hay điều hành công ty, không được V1 nhờ ký bất kỳ hồ sơ, thủ tục gì, con dấu của công ty D5 quản lý, sử dụng. Do đó, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với M.

Đối với Đặng Thanh S2: Do V1 khai nhờ S2 ký không hồ sơ bảo lãnh cho 02 người gồm: NGUYEN LONG MARK và NGUYEN THUY TRANG VU nhập cảnh vào Việt Nam theo diện DN1. Tuy nhiên, căn cứ kết quả giám định không có căn cứ xác định các chữ ký trên hồ sơ bảo lãnh có phải do S2 ký ra hay không. Hiện S2 đã xuất cảnh nên không làm rõ các hành vi liên quan. Do đó, chưa có cơ sở khẳng định S2 có đồng phạm với các bị can trong vụ án hay không. Ngày 20/6/2023, Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố H ra Quyết định tách hành vi của Đặng Thanh S2, tiếp tục xác minh, làm rõ, nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với ông Nguyễn Minh Q: Giám đốc Công ty D3, có hành vi ký hồ sơ bảo lãnh cho 03 người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam theo diện DN1. Tuy nhiên, do ông Q đã chết nên không xem xét, xử lý trong vụ án này.

Đối với người đàn ông tên T5 (hoặc D2) được Lê Thị Thu T thuê làm giả các loại giấy tờ xác nhận trình độ, tay nghề cho người nước ngoài và người làm dịch vụ xin Visa mà Phan Thị Ngọc D đã thuê. Quá trình điều tra, do T, D không cung cấp được thông tin liên lạc, nhân thân, lai lịch nên Cơ quan An ninh điều tra không có căn cứ xác minh, triệu tập, làm rõ để xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 596/2023/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

...

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm n, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Thị Ngọc D 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”;

Căn cứ điểm b, c khoản 3 Điều 341; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đỗ Quốc V1 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”;

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 341; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đỗ Quốc V1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

...

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 27 và 29/12/2023, bị cáo Lê Thị Thu T và bị cáo Đỗ Quốc V1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Ngày 27/12/2023, bị cáo Phan Thị Ngọc D có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo;

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Thu T13 và bị cáo Đỗ Quốc V1 xin rút lại yêu cầu kháng cáo; bị cáo Phan Thị Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: xét thấy tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T và bị cáo V1 xin rút kháng cáo; việc rút kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút kháng cáo, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của 2 bị cáo. Đối với kháng cáo của bị cáo Phan Thị Ngọc D, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án

treo nhưng không thuộc trường hợp được hưởng án treo theo quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Luật sư Nguyễn Hoài N bào chữa cho bị cáo Phan Thị Ngọc D trình bày: Về nội dung vụ án và về tội danh luật sư xin không tranh luận, đồng ý với nội dung Bản án sơ thẩm. Bị cáo D đang nuôi con nhỏ, bị bệnh trầm cảm sau khi bị xét xử, ông nội của bị cáo là liệt sĩ, tình tiết này là tình tiết mới sau khi xét xử sơ thẩm. Bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức không đáng kể, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo còn 3 năm tù và cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Bị cáo D bị truy tố theo điểm a Khoản 3, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 5 năm tù là dưới khung hình phạt, thể hiện đúng tính chất mức độ hành vi của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, ý kiến tranh luận của Luật sư bào chữa cho bị cáo; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Phan Thị Ngọc D, Lê Thị Thu T và Đỗ Quốc V1 còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thị Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Thu T và bị cáo Đỗ Quốc V1 xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét việc rút kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút kháng cáo của các bị cáo, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thu T và bị cáo Đỗ Quốc V1.

[4] Về hành vi phạm tội: bị cáo Phan Thị Ngọc D cùng nhiều bị cáo khác đã có hành vi làm hồ sơ khống xác nhận nhiều người nước ngoài thuộc diện DN1 để tổ chức cho những người này nhập cảnh vào Việt Nam trái phép, trong thời điểm Thủ tướng Chính phủ đã Kết luận tại cuộc họp Thường trực Chính phủ ngày 21/3/2020 về việc tạm dừng nhập cảnh đối với tất cả người nước ngoài vào Việt Nam, áp dụng từ 00 giờ ngày 22/3/2020 để phòng, chống dịch COVID-19. Quá trình tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, bị cáo Phan Thị Ngọc D đã tổ chức cho 21 người nhập cảnh trái phép thu lợi được 112.000.000 đồng;

Hành vi của bị cáo Phan Thị Ngọc D đã phạm vào tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”, thuộc trường hợp “*Đối với 11 người trở lên*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự

năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Phan Thị Ngọc D

Hành vi của bị cáo Phan Thị Ngọc D là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh và lưu trú trên lãnh thổ Việt Nam, cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị can và răn đe, phòng ngừa chung.

Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và tích cực hợp tác với cơ quan An ninh điều tra, có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án. Ngoài ra, bị cáo là phụ nữ có thai và đã nộp lại 112.000.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các tình tiết giảm nhẹ, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo 05 (năm) năm tù là dưới mức thấp nhất khung hình phạt. Bị cáo kháng cáo nhưng xét thấy hình phạt của bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử đã ở mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề; do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo của bị cáo D là không đủ điều kiện theo quy định tại điều 54 và điều 65 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Ý kiến bào chữa của Luật sư đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo D được hưởng án treo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo D phải chịu án phí theo quy định. Bị cáo T và bị cáo V1 rút kháng cáo tại phiên tòa nên không phải chịu án phí.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 348; điểm a khoản 1 điều 355, Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Thị Thu T và bị cáo Đỗ Quốc V1; Bản án hình sự sơ thẩm số 597/2023/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm

2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực thi hành đối với bị cáo Lê Thị Thu T và bị cáo Đỗ Quốc V1.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thị Ngọc D; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 597/2023/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Phan Thị Ngọc D.

Tuyên xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm n, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Thị Ngọc D 05 (năm) năm tù về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Các bị cáo Lê Thị Thu T và Đỗ Quốc V1 không phải chịu.
- Bị cáo Phan Thị Ngọc D phải chịu 200.000 đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hòa

Trần Văn Đạt

Lê Văn An